

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đình Ngân

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu
Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 686/2019/TLST-
HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 116/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 11
năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị B**, sinh năm 1984

Địa chỉ: tổ 5, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Tạ Sơn D**, sinh năm 1981

Địa chỉ: tổ 2, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 10 năm 2019 và các lời khai của chị
Phan Thị B (nguyên đơn) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Tạ Sơn D chung sống với nhau vào năm
2017 có đăng ký kết hôn ngày 05/01/2018 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây
Ninh. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu
thuẫn, nguyên nhân: Anh D không lo làm ăn cò bạc và thường xuyên uống rượu

về kiểm chuyện chửi bới chị, không tôn trọng gia đình chị, không cho anh em chị đến chơi nói đến ăn của gia đình anh từ đó anh chị thường xuyên cãi vã sống chung không hạnh phúc, tháng 6 năm 2019 chị làm đơn ly hôn Anh D năn nĩ chị rút đơn khỏi kiện nhưng Anh D không sửa chữa, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn sống chung không hạnh phúc nên chị làm đơn ly hôn với Anh D.

Về con chung: có một con chung là Tạ Thanh P, sinh ngày 13/6/2018, từ ngày ly thân đến nay cháu P sống chung với chị. Ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu P không yêu cầu Anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn -Anh Tạ Sơn D trình bày: Anh D vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho Anh D nhưng Anh D không đến tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Anh D.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị B với anh Tạ Sơn D.

Về con chung: giao cháu Tạ Thanh P, sinh ngày 13/6/2018 cho chị B nuôi dưỡng, Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị B không yêu cầu. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị B khai không có.

Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ Anh D đến Tòa án để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng Anh D vắng mặt không có lý do. Chị B có

đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị B, Anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B Anh D chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn ngày 05/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị B xác định chị và Anh D chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, tháng 6 năm 2019 chị làm đơn khởi kiện ly hôn Anh D năn nĩ nên chị làm đơn xin rút đơn khởi kiện, nhưng từ khi chị rút đơn kiện cho đến nay Anh D không thay đổi mâu thuẫn trầm trọng chị làm đơn ly hôn. Tại tòa chị vẫn giữ yêu cầu ly hôn với Anh D.

Bị đơn anh Tạ Sơn D vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ.

Qua làm việc chính quyền địa phương và các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B và Anh D thì Anh D đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của chị B, Anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị B, xử cho chị B và Anh D được ly hôn là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình công bố năm 2014.

[4] Về con chung: Chị B yêu cầu nuôi cháu Tạ Thanh P, sinh ngày 13/6/2018 không yêu cầu Anh D cấp dưỡng nuôi con.

Xét các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và tài liệu điều tra xác minh, Hội đồng xét xử thấy: Từ ngày ly thân đến nay cháu Tạ Thanh P sống chung với chị B, chị chăm sóc ổn định và vẫn được đảm bảo quyền lợi của con chung. Anh D thường xuyên rượu chè, cờ bạc nên không chăm sóc cháu P được tốt, hơn nữa hiện nay cháu P chưa được 18 tháng tuổi, còn quá nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng, gần gũi trực tiếp của người mẹ, Anh D chưa sát sao trong việc chăm sóc nuôi dưỡng con nên việc giao con chung cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và đúng pháp luật phù hợp với Khoản 3 Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị B khai không có.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị B, xử cho chị B và Anh D được ly hôn, về con chung giao cháu Tạ Thanh P cho chị B nuôi dưỡng, Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị B không yêu cầu, về tài sản chung chị B không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết, về nợ chung chị B khai không có không giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp.

[8] Về án phí: Chị B phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Anh D không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình công bố năm 2014; Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung của chị Phan Thị B, xử cho chị Phan Thị B và anh Tạ Sơn D được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Tạ Thanh P, sinh ngày 13/6/2018 cho chị B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị B không yêu cầu.

Sau khi ly hôn Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị B khai không có.

5. Về án phí: Chị Phan Thị B phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006402 ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị B đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Tạ Sơn D không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Lưu: Tập án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã kí)

Phan Thị Hưởng